

SỰ DU NHẬP GIÁO DỤC PHƯƠNG TÂY VÀO NAM KỲ VIỆT NAM THỜI THUỘC PHÁP (1861 - 1945)

NGÔ MINH OANH*

TÓM TẮT

Thông qua việc trình bày một cách hệ thống giáo dục Nam Kỳ thời thuộc Pháp, tác giả cho thấy quá trình thiết lập hệ thống giáo dục phương Tây của Pháp ở Nam Kỳ, từng bước đi đến xóa bỏ hoàn toàn nền giáo dục Nho giáo ở đây. Tác giả rút ra những nhận định về hệ quả tích cực và những hậu quả mà nền giáo dục của Pháp đem đến cho nhân dân Nam Kỳ.

ABSTRACT

Importation of the Western education to South Vietnam under the French domination (1861 - 1945)

Through presenting systematically the education of Southern Vietnam under the French domination, the author points out the way that the French colony set up the system of the Western education in South Vietnam, step by step to eliminate the Confucian education in the area and draws some conclusions on both the positive and negative sides that French education influenced on people in South Vietnam.

Với việc kí kết Hiệp ước Patenôtre năm 1861, đánh dấu triều đình Huế đã đầu hàng hoàn toàn trước thực dân Pháp. Thực dân Pháp đã cơ bản bình định xong nước ta về mặt quân sự và tiến hành tổ chức cai trị nước ta trên quy mô rộng lớn và với một cường độ nhanh chóng. Về chính trị, Pháp đã thiết lập một chính quyền thống trị chặt chẽ trên phạm vi toàn Đông Dương, chia nước ta thành ba kỳ, trong đó Bắc Kỳ, Trung Kỳ đặt dưới sự bảo hộ của Pháp, còn Nam Kỳ là thuộc địa hoàn toàn của thực dân Pháp với chế độ trực trị. Để có một đội ngũ những người phục vụ đắc lực cho công cuộc “khai hóa”, thực dân Pháp không thể không tiến hành mở mang giáo dục.

Với kinh nghiệm của một nước thực dân nhà nghề, Pháp hiểu rõ sức mạnh của giáo dục và họ đã sử dụng giáo dục như một công cụ đắc lực để cai trị Đông Dương. Vì thế, ngay từ đầu thực dân Pháp đã tiến hành phát triển giáo dục một cách nhanh chóng. Đó là quá trình Pháp du nhập nền giáo dục phương Tây vào Việt Nam nói chung và Nam Kỳ nói riêng.

Nền giáo dục ở Nam Kỳ trước khi Pháp xâm chiếm đang ở trong hệ thống giáo dục phong kiến Việt Nam dưới triều Nguyễn. Sau khi đánh bại vương triều Tây Sơn, Gia Long lên ngôi vua lập ra triều Nguyễn, xác lập và củng cố vương triều của mình trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội. Công cuộc củng cố vương triều đòi hỏi phải có nhiều nhân tài để đảm đương sự nghiệp như Gia

* PGS TS, Viện Nghiên cứu Giáo dục
Trường Đại học Sư phạm TP HCM

Long vẫn kỳ vọng. Tuy nhiên, trong buổi đầu của triều Nguyễn, nhân tài “như lá mùa thu” nên bên cạnh việc mời gọi và sử dụng những cựu thần, nho sĩ của nhà Lê, nhà Nguyễn đã lo đến việc tổ chức giáo dục và đào tạo nhân tài để phục vụ cho việc xây dựng đất nước. Triều Nguyễn rất quan tâm đến đào tạo đội ngũ quan lại ở Nam Kỳ để làm chỗ dựa tinh thần thông qua việc tổ chức học hành, thi cử.

Ở Nam Kỳ, chỉ có các loại trường ở tỉnh, phủ, huyện thuộc hệ thống trường “huong học”. Năm 1803, chính quyền đã định lại học quy cho trấn Gia Định và hoàn thành việc xây dựng học đường Gia Định, sau này thành trường tỉnh học Gia Định. Quan đốc học là người trông coi việc học của toàn tỉnh, giáo thụ là người phụ trách các trường phủ, huấn đạo phụ trách các trường huyện. Ngoài ra còn có trường học ở các tổng, xã, ấp là các loại trường dân lập hay tư thực do các thầy đồ hay các nho sĩ mở ra và trực tiếp giảng dạy. Cũng giống như các triều đại phong kiến trước đó, nhà Nguyễn vẫn lấy nho học làm đạo trị nước, an dân và làm phương tiện để giáo hóa con người. Ở các lớp khai tâm, từ tám tuổi trở lên bắt đầu học hiếu kinh, trung kinh; từ 12 tuổi trở lên học Luận ngữ, Mạnh Tử rồi đến Trung dung, Đại học; từ 15 tuổi trở lên học Thi, Thư rồi sau đến kinh Dịch, kinh Lễ, kinh Xuân Thu...

Nội dung dạy học là phải cung kính, hiếu thảo với cha mẹ, tu luyện mình cho nghiêm chỉnh, siêng năng học hành, đèn sách, theo gương những người xưa mà tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

Hình thức và phương pháp dạy học thì sử dụng phương pháp “chính học” truyền thống: học theo lối người xưa là học thuộc lòng để cho thấm nhuần lời nói thánh hiền. Người học tiếp thu kiến thức một cách thụ động, thiếu tinh thần sáng tạo “thuật nhi bất tác”. Chế độ thi cử dưới triều Nguyễn giống như thời Lê về thể lệ và quy chế thi cử, với 3 kỳ thi chính là thi Hương, thi Hội, thi Đình. Các danh xưng đỗ đạt trong các kỳ thi cũng lấy đại khoa (tiến sĩ), trung khoa (cử nhân, tú tài) và các lễ ban yến, áo mũ, vinh quy như trước đây. Từ năm 1813, Gia Long mở kỳ thi Hương đầu tiên, trong đó Nam Kỳ có trường thi Gia Định. Trường thi Gia Định là một trong những trường thi lớn đã tuyển chọn được nhiều nhân tài đất Nam Kỳ cho triều đình Huế.

Tuy nhiên, giáo dục ở Nam Kỳ trước khi Pháp xâm chiếm vẫn duy trì một nền giáo dục Nho giáo, dạy học trò về “nội trị và ngoại giao”, noi gương người xưa giữ liêm chính để trị quốc. Học trò chỉ học sách “thánh hiền” mà không được trang bị kiến thức toàn diện, trong đó có kiến thức về khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Hình thức và phương pháp dạy học cũng theo lối “điển chương, trích cú”, thầy dạy trò theo lối “gia đình” mà chưa tổ chức thành hệ thống trường, lớp một cách bài bản. Có thể nói, giáo dục dưới triều Nguyễn nói chung và ở Nam Kỳ nói riêng đã “quá cũ kỹ và rập khuôn nền giáo dục phong kiến Trung Quốc” [2,tr.32], không đáp ứng trước những yêu cầu phát triển của đất nước.

Sau khi chiếm xong Nam Kỳ (1867), người Pháp xác lập quyền thống

trị của mình, biến Nam Kỳ thành thuộc địa của Pháp – xứ Đông Pháp. Đứng đầu Nam Kỳ thuộc Pháp là Thống đốc Nam Kỳ và bên dưới là các chủ tỉnh người Pháp để tiến hành cai trị thuộc địa trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Người Pháp thấy rất rõ tầm quan trọng của giáo dục, nên ngay “sau khi người lính đã hoàn thành sự nghiệp của mình thì đến lượt người giáo viên thực hiện sự nghiệp của họ” (Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 96 (3-1967). Dẫn theo [8,tr.180]). Tiến hành áp dụng nền giáo dục Pháp, một nền giáo dục khá tiêu biểu cho nền giáo dục phương Tây, ở Việt Nam nói chung và Nam Kỳ nói riêng, người Pháp phải đứng trước lựa chọn khôn khéo trong việc sử dụng giáo dục như một công cụ thống trị, vừa áp đặt nền giáo dục mới vừa từng bước hạn chế, đi đến xóa bỏ hoàn toàn nền giáo dục phong kiến, “biến người bị trị thành người Pháp về mặt văn hoá”.

Quá trình xác lập nền giáo dục phương Tây của Pháp ở Nam Kỳ có thể chia làm hai giai đoạn: giai đoạn thứ nhất, từ năm 1861 đến năm 1916 là giai đoạn tồn tại song song giáo dục phương Tây với giáo dục Nho giáo; giai đoạn thứ hai từ năm 1917 đến năm 1945, chính quyền thuộc địa từng bước hạn chế và đi đến xóa bỏ hoàn toàn giáo dục và khoa cử Nho giáo ở Nam Kỳ.

1. Thực dân Pháp từng bước áp đặt nền giáo dục phương Tây vào Nam Kỳ (1861 - 1916)

Trong giai đoạn từ năm 1861 đến năm 1916, do nhu cầu đáp ứng về người cho bộ máy cai trị, thực dân Pháp đã

nhANH chóng cho mở hệ thống các trường dạy nghề và các trường học phổ thông.

- *Các trường dạy nghề*: Do gặp phải rào cản về mặt ngôn ngữ với người bản địa, việc đào tạo thông dịch viên vô cùng quan trọng đối với Pháp lúc bấy giờ. Bấy tháng sau khi chiếm được đại đồn Chí Hoà, ngày 21 tháng 9 năm 1861, đô đốc Charner đã ký nghị định thành lập trường Bá Đa Lộc (Évêque d’Adran) để dạy tiếng Pháp cho người Việt và dạy tiếng Việt cho người Pháp do linh mục Groc – phiên dịch viên của Charner làm hiệu trưởng. Mục đích của trường là đào tạo những thông dịch viên cho quân đội Pháp và những thư kí làm trong các cơ quan hành chính. Học viên của trường là binh lính người Việt trong quân đội Pháp hay những người thân Pháp. Ngày 19-7-1871, Đô đốc Dupre cho thành lập trường sư phạm thuộc địa tại Sài Gòn để đào tạo giáo viên và nhân viên công sở. Khóa đầu tiên có 60 giáo sinh. Những giáo sinh tốt nghiệp trường này được bổ nhiệm về các trường tiểu học do Pháp lập ra ở các thị trấn để giảng dạy. Đến năm 1874, số giáo viên này đã có mặt ở trên 20 trường tiểu học ở khắp các tỉnh Nam Kỳ. Đến năm 1874, Pháp cho thành lập thêm trường Hậu bổ (Collège des administrateurs stagiaires) đào tạo những người đã có bằng Hán học để bổ sung vào đội ngũ quan lại. Học viên học tiếng Việt, chữ Nho, hành chính bản xứ và những kiến thức về kiến trúc và thực vật học. Với 4 năm tồn tại, trường đã đào tạo được 50 nhân viên cho Nam Kỳ. [7,tr.189]

- *Hệ thống các trường phổ thông*: Ngày 16-7-1864, Grandière ra nghị định

tổ chức các trường tiểu học ở các tỉnh để dạy chữ quốc ngữ và toán pháp. Giáo viên ở các trường tiểu học là do một số thông dịch viên đảm nhận. Chương trình học chỉ có tập đọc, học viết chữ quốc ngữ. Họ cho xuất bản ba quyển sách giáo khoa, một quyển mẫu tự chữ quốc ngữ, hai quyển về số học và hình học cơ bản. Vừa dùng thay sách giáo khoa vừa để tuyên truyền cho chế độ thuộc địa, các trường đã dùng tờ *Nguyệt san thuộc địa* và tờ *Gia Định báo* cho học sinh học. Sau khi tốt nghiệp, các học sinh được phép về làng mình mở trường dạy học. Tính đến năm 1866, Pháp đã mở được ở Nam Kỳ 47 trường tiểu học với 1.238 học sinh [4, tr.111]. Năm 1874, trường Chasseloup Laubat được thành lập tại Nam Kỳ dành cho con em người Pháp đang cai trị và những người Việt làm cho Pháp. Đây là trường trung học sớm nhất dạy từ tiểu học đến tú tài chương trình Pháp, thu hút được những học sinh ưu tú của đất Nam Kỳ thời đó. Bên cạnh các trường nói trên, lợi dụng lòng mộ đạo của người dân Công giáo, thực dân Pháp còn tạo điều kiện và giúp đỡ cho việc thành lập các trường dòng để thu hút các học sinh là con em giáo dân vào học và đào tạo họ thành những thông ngôn, thư kí. Cho đến năm 1866, số trường dòng đã lên 47 trường với 1.328 người. [7, tr.188]

Để tiến thêm một bước trong thay đổi nền giáo dục bản xứ, trong các năm 1874 và năm 1879, chính quyền thuộc địa đã cho ban hành hai quy chế về giáo dục. Quy chế năm 1874 là bản quy chế giáo dục đầu tiên của Pháp ở Nam Kỳ quy định tất cả các trường tư chỉ được phép

hoạt động khi có sự đồng ý của chính quyền. Quy chế chia giáo dục ra hai bậc: tiểu học và trung học. Trường tiểu học được mở tập trung ở 6 nơi: Sài Gòn, Chợ Lớn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bến Tre, Sóc Trăng. Nội dung học có các môn: tập đọc, tập viết chữ quốc ngữ, chữ nho, chữ Pháp và số học. Kỳ thi tốt nghiệp tiểu học gồm có thi viết và thi vấn đáp. Trường trung học chỉ mở ở Sài Gòn, dạy 3 ban với các môn: tiếng Pháp, chữ quốc ngữ, Toán, Địa lý, Lịch sử (chỉ dạy lịch sử Pháp, không dạy lịch sử Việt Nam).

Quy chế 1874 tỏ ra kém hiệu quả, vì thế, đến tháng 3-1879, Lafont ký quyết định ban hành quy chế mới, theo đó, hệ thống giáo dục được chia làm ba cấp, bãi bỏ tất cả các trường được tổ chức theo quy chế 1874. Ba cấp học gồm có: trường hàng tổng (cấp I), trường hàng quận (cấp II), trường tỉnh (cấp III).

- Về thời gian và chương trình:

Cấp I, học 3 năm, gồm các môn: tiếng Pháp, bốn phép tính, cách đo lường. Chữ Hán và chữ quốc ngữ chỉ học đến một mức độ nhất định, đủ để biết đọc, biết viết.

Cấp II, thời gian học là 3 năm. Các môn học gồm có tiếng Pháp, Toán, Lịch sử Việt Nam, Địa lý Việt Nam, chữ Hán và chữ quốc ngữ. Tiếng Pháp ở cấp hai được học kĩ hơn, môn Toán được trang bị cả kiến thức Đại số và Hình học... Tốt nghiệp cấp học này học sinh được nhận bằng Sơ học (Brevet Élémentaire) và được học lên cấp cao hơn.

Cấp III, học sinh học 4 năm, học thêm những môn mới như Thiên văn, Địa chất, Sinh vật. Các môn còn lại cũng như

cấp II, nhưng được mở rộng và nâng cao hơn. Các môn học đều học bằng tiếng Pháp. Tốt nghiệp trung học, học sinh được cấp bằng Cao đẳng tiểu học (Brevet Supérieur).

- Về tổ chức quản lí và giáo viên giảng dạy:

Các trường đều đặt dưới sự quản lí của Sở Nội vụ và các chủ tỉnh. Mỗi trường đều do các hiệu trưởng người Pháp quản lí. Một số giáo viên người Việt là thư ký Sở Nội vụ. Do không được đào tạo bài bản về sư phạm nên việc giảng dạy và xây dựng kế hoạch chương trình đào tạo đều có nhiều bất cập; cơ sở vật chất thiếu thốn; sách giáo khoa và chương trình chắp vá nên hiệu quả giáo dục không cao.

Trong những thập niên đầu, việc tổ chức giáo dục ở Nam Kỳ, người Pháp đã tập trung vào hai mục tiêu cơ bản: *một là*, đào tạo thông dịch viên, viên chức phục vụ quân đội xâm lược và bộ máy chính quyền trong các vùng đất mới chiếm đóng. *Hai là*, từng bước đưa nền giáo dục mới phương Tây vào Nam Kỳ. Tuy nhiên với mục đích này, Pháp chưa thành công. Bởi mặc dù giáo dục phong kiến Việt Nam với chế độ khoa cử lỗi thời nhưng nó vẫn còn tồn tại và ảnh hưởng không nhỏ đối với xã hội. Giáo dục phương Tây mới chỉ đào tạo được một lực lượng trí thức Tân học ít ỏi, vẫn còn bị lép vế trong một xã hội vốn vẫn còn tư tưởng Nho giáo thống trị từ gốc rễ.

Từ năm 1886 đến năm 1917, Tổng trú sứ Paul Bert đã có những động thái nhằm thay đổi hơn nữa giáo dục của Pháp ở Việt Nam. Paul Bert cho thành

lập Cơ quan thanh tra giáo dục nhằm “nhanh chóng thiết lập mối quan hệ trực tiếp càng nhiều càng tốt giữa dân tộc An Nam với chúng ta (Pháp)”¹. Paul Bert chủ trương vừa phát triển mở rộng trường lớp, vừa cải tổ dần nền giáo dục cũ để tiến tới thủ tiêu hẳn. Tuy nhiên, phải đến Toàn quyền P. Beau thì mới đưa ra được một chương trình cải cách giáo dục toàn diện. Đây là cải cách giáo dục lần thứ nhất của Pháp tại Việt Nam.

Tháng 11 năm 1905, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định thành lập Nha học chính Đông Dương để nghiên cứu cải cách giáo dục. Năm 1906, Toàn quyền P. Beau đưa ra kế hoạch cải cách giáo dục ở Nam Kỳ và Bắc Kỳ thông qua các nghị định ngày 8 - 3 và ngày 6 - 5 - 1906. Theo đó, hệ thống giáo dục và chế độ khoa cử ở Nam Kỳ đã có thay đổi căn bản như sau:

* Về hệ thống các cấp học, lớp học:

Hệ thống trường Pháp - Việt là những trường chủ yếu dạy bằng hai ngôn ngữ tiếng Pháp và chữ quốc ngữ, được chia làm hai bậc tiểu học và trung học. *Bậc tiểu học* gồm 4 năm học, học sinh phải qua các lớp: lớp Tư, lớp Ba, lớp Nhì và lớp Nhất. Chương trình dạy chủ yếu bằng tiếng Pháp, các môn dạy bằng chữ Hán và chữ quốc ngữ rất ít. *Bậc trung học* được chia làm hai cấp: trung học đệ nhất cấp và trung học đệ nhị cấp. Trung học đệ nhất cấp học sinh chỉ học một năm được chia làm 2 ban: Ban Văn học và Ban Khoa học.

Hệ thống trường chữ Hán: Trong khi chưa xóa bỏ hẳn được nền giáo dục truyền thống thì chính quyền thuộc địa

Pháp tiến hành cải cách để thay đổi đáng kể cơ cấu của hệ thống giáo dục này. Hệ thống giáo dục trường chữ Hán được chia làm 3 cấp học: ầu học, tiểu học và trung học. *Bậc ầu học* có 3 loại trường: Trường một năm hay dưới một năm mở ở các vùng hẻo lánh, chỉ dạy bằng chữ quốc ngữ. Loại trường hai năm dạy bằng chữ quốc ngữ và chữ Hán. Loại trường ba năm dạy cả ba thứ chữ quốc ngữ, chữ Pháp, và chữ Hán. Tiếng Pháp là môn bắt buộc phải học. Sau khi học xong bậc ầu học, học sinh phải trải qua một kì thi gọi là hạch tuyển, nếu đậu sẽ được cấp bằng “tuyển sinh”.

Bậc tiểu học có thời gian học là hai năm, được mở ở các phủ, huyện. Quản lí và giảng dạy ở trường tiểu học là do các giáo thụ và huấn đạo phụ trách. Chương trình dạy bằng ba thứ tiếng, chữ quốc ngữ chiếm nhiều giờ nhất. Học xong chương trình, học sinh phải qua kì thi (hạch khóa) để lấy bằng khóa sinh. Người có bằng khóa sinh được học tiếp lên bậc trung học.

Bậc trung học được mở ở các tỉnh lỵ do các quan đốc học phụ trách. Chương trình học vẫn được dạy bằng ba thứ chữ Pháp, Hán, quốc ngữ. Chữ quốc ngữ được dạy nhiều thời gian nhất, rồi đến chữ Pháp. Học sinh phải trải qua một kì thi (thí sinh hạch), nếu đậu được cấp bằng thí sinh và được đi thi Hương.

* *Về chương trình và sách giáo khoa:* Do tiến hành cải cách giáo dục một cách chấp vá, lại có nhiều loại trường trong cùng một hệ thống giáo dục, nên chương trình học cũng không ổn định và không thống nhất. Pháp gặp nhiều khó

khăn trong việc biên soạn sách giáo khoa. Lúc đầu họ dùng tờ Gia Định báo để làm sách tập đọc, sau đó họ đưa sách giáo khoa từ Pháp sang, nhưng kết quả cũng rất hạn chế do khác nhau về trình độ, về văn hóa. Đến những năm tám mươi của thế kỉ XIX, cơ quan Học chính Nam Kỳ đã cho biên soạn một số sách giáo khoa tiểu học và sau đó dần dần được bổ sung thêm thành hệ thống sách giáo khoa trường tiểu học.

Năm 1880, Pháp mở trường trung học ở Mỹ Tho, Trường Chợ Lớn cho Hoa kiều và một trường tiểu học cho cả nam lẫn nữ. Năm 1915 Pháp mở Trường Collège de Jeunes Fille Indigènes (nay là Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai), năm 1918 mở Trường Cao đẳng nữ sinh người Pháp (nay là Trường THPT Marie Curie)...

Như vậy giai đoạn từ 1886 đến năm 1916, Pháp tiến hành cải cách giáo dục lần thứ nhất. Đó là giai đoạn quá độ trong quá trình phát triển nền giáo dục ở Nam Kỳ, từ việc tồn tại song song hai hệ thống giáo dục, đi đến xóa bỏ hoàn toàn giáo dục phong kiến. Tuy nhiên, mục đích đó của Pháp chưa thực hiện được trong giai đoạn này. Phải đợi đến giai đoạn 1917 – 1945, nền giáo dục theo kiểu phương Tây mới thay thế được hoàn toàn nền giáo dục phong kiến.

2. Từ duy trì song song hai nền giáo dục đến xóa bỏ nền giáo dục Nho giáo ở Nam Kỳ giai đoạn 1917 - 1945

Năm 1917, A. Sarraut sang làm toàn quyền ở Đông Dương, cho ban hành bộ Học chính tổng quy (Học quy) vào tháng 12 năm 1917, thay đổi cơ bản hệ

thống giáo dục ở Nam Kỳ. Với việc áp dụng Học chính tổng quy này được xem như là cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai. Bộ Học quy của A. Sarraut được chia làm 7 chương với 558 điều gồm nhiều quy định cụ thể, xác định công cuộc giáo dục ở Việt Nam là dạy học phổ thông và thực nghiệp. Hệ thống trường học được chia làm hai loại: trường Pháp dạy cho học sinh người Pháp theo chương trình “chính quốc” và trường Pháp - Việt dạy cho người Việt theo chương trình “bản xứ”. Hệ thống giáo dục Nam Kỳ được quy định như sau:

- *Tổ chức trường lớp*: Quá trình đào tạo được chia làm ba cấp:

* *Đệ nhất cấp (Tiểu học)*: Các trường tiểu học được tổ chức ở các xã. Nếu xã nhỏ thì có thể tổ chức một trường tiểu học chung cho hai, ba xã. Các trường tiểu học có hai loại: *Trường tiểu học bị thể* (école primaire de plein exericices) có 5 lớp: Đồng ấu, Dự bị, Sơ đẳng, lớp Nhì và lớp Nhất. *Trường sơ đẳng tiểu học* (école élémentaire): Đây là những trường chỉ có hai, ba lớp dưới dành cho những vùng mà học sinh chỉ cần học để biết đọc, biết viết, rồi sau đó về làm ruộng chứ không theo con đường học vấn. Học sinh nào muốn học lên nữa thì phải đến các trường tiểu học bị thể khác để tiếp tục học tập

* *Đệ nhị cấp (Trung học)*: Chia làm hai cấp, cao đẳng tiểu học và trung học. *Cao đẳng tiểu học*: Học sinh học trong 4 năm với 4 lớp: Đệ nhất, Đệ nhị, Đệ tam và Đệ tứ niên. Học xong 4 năm học sinh thi lấy bằng cao đẳng tiểu học (còn gọi là bằng đíp-lôm hay thành

chung). *Trung học*: Học sinh học 2 năm, sau đó thi lấy bằng tú tài bản xứ. Trong thời gian này, bên cạnh các trường trung học được mở trước đây, Pháp đã cho mở thêm Trường Petrus Ký vào năm 1928.

* *Đệ tam cấp: cao đẳng và đại học chuyên nghiệp và trường nghề*:

Hầu hết các trường cao đẳng và đại học thời gian này đều tập trung tại Hà Nội, ở Nam Kỳ chỉ có các trường dạy nghề là chủ yếu. Các trường dạy nghề như Trường Nông nghiệp Bến Cát, Trường Canh nông Nam Kỳ, Trường Mỹ nghệ Bản xứ Thủ Dầu Một dạy các nghề thêu, khảm và vẽ, Trường Biên Hòa dạy các nghề trang sức, đồ gỗ và nghề sắt; Trường Sa Đéc dạy các nghề làm mặt hàng từ đồi mồi; Trường Cần Thơ dạy thêu...

- *Bên cạnh đệ nhất cấp và đệ nhị cấp còn có hệ thực nghiệp*: Ở bậc tiểu học thực nghiệp có các trường dạy nghề như rèn, mộc, nề, trường gia chánh, trường canh nông, trường mỹ thuật công nghiệp và mỹ nghệ. Các trường *trung học thực nghiệp* cũng dạy các ngành nghề nhưng dạy khá hoàn chỉnh chứ không dạy sơ lược như ở cấp dưới. Các trường này do người đứng đầu địa phương quản lý trực tiếp, học sinh sau khi học xong sẽ tùy theo cấp học và trình độ mà có thể vào làm ở các cơ sở sản xuất khác nhau.

- *Về đội ngũ giáo viên*, những người có bằng sơ học yếu lược hoặc bằng khóa sinh chỉ cần có lời cam đoan tuân theo luật lệ của làng xã trong việc dạy dỗ con em là có thể dự tuyển làm giáo viên. Hàng năm các giáo viên được dự các lớp bồi dưỡng chuyên môn do cơ quan học

chính tinh tổ chức trong thời gian không quá 6 tuần.

Từng bước xóa bỏ hoàn toàn nền giáo dục và khoa cử phong kiến Việt Nam, đến năm 1815 thực dân Pháp đã bãi bỏ kì thi Hương ở Nam Kỳ. Năm 1917, Pháp cho giải tán hai trường Sĩ Hoạn ở Hà Nội và Trường Hậu Bô ở Huế [3,tr.223]. Ở Trung Kỳ, năm 1918 tổ chức kì thi Hương cuối cùng. Năm 1919, hai kì thi Hội và thi Đình cuối cùng được tổ chức tại Huế, rồi sau đó vĩnh viễn chấm dứt nền khoa cử của giáo dục Nho giáo. Ngày 14 - 6 - 1919, triều đình Huế cũng đã tuyên bố bãi bỏ hoàn toàn nền giáo dục Nho học và thay thế vào đó là hệ thống trường Pháp - Việt. Từ đây, triều đình Huế đã phó mặc hoàn toàn việc giáo dục thi cử cho thực dân Pháp. Nền giáo dục Việt Nam được đặt dưới quyền quản lý của Nha học chính Đông Pháp. Năm 1933, Pháp cho thành lập Bộ Quốc gia Giáo dục do Phạm Quỳnh làm Thượng thư. Ở các tỉnh có chức đốc học, kiểm học, còn ở các phủ, huyện phục hồi chức huấn đạo và giáo thụ. Về hình thức, nền giáo dục do hai chính quyền quản lý, nhưng thực chất Bộ Quốc gia Giáo dục của triều Nguyễn chỉ quản lý bậc tiểu học ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, còn lại toàn bộ hệ thống giáo dục vẫn do Pháp quản lý. Đến lúc này, hệ thống giáo dục ở Nam Kỳ được tổ chức lại và tồn tại cho đến trước năm 1945 như sau:

- *Bậc tiểu học gồm có:*

Trường sơ đẳng yếu lược bản xứ gồm các lớp đồng ầu, dự bị, sơ đẳng, có khi chỉ có một hai lớp sơ đẳng. Trường này còn được gọi là trường Hương học vì

thường được đặt ở các làng và ngân sách do các làng đóng góp.

Trường tiểu học là trường có 3 lớp đệ nhất, đệ nhị và lớp nhất, có khi chỉ có 2 lớp trên bậc tiểu học. Trường này được đặt ở các phủ, huyện hoặc tỉnh lỵ. Sau khi phải qua kì thi Sơ học yếu lược, học sinh được nhận bằng tiểu học Pháp - Việt.

- *Bậc trung học:* gồm có hai ban Cao đẳng tiểu học và Tú tài: *Cao đẳng tiểu học* gồm các lớp nhất niên, nhị niên, tam niên, tứ niên. *Tú tài* có thời gian học là 3 năm: đệ nhất niên, đệ nhị niên, đệ tam niên. Chương trình tú tài ngay từ đệ nhất niên đã có sự phân ban thành ban Khoa học và Ban Toán và Ban Triết. Học sinh học xong đệ nhị niên có thể thi lấy bằng tú tài bán phần. Phải có bằng tú tài bán phần thì mới được học năm cuối để thi lấy bằng tú tài toàn phần.

Do Nam Kỳ là thuộc chế độ trực trị của Pháp nên giáo dục ở đây chỉ có chương trình Pháp, tuy nhiên trong các trường Pháp cũng có chia thành hai khu: Khu Pháp chuyên học bằng tiếng Pháp, khu bản xứ có học thêm một số chương trình Việt văn, nhưng cuối học kì không thi lấy tú tài bản xứ như ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ [6,tr.155-156].

Hệ thống giáo dục cao đẳng và đại học: Pháp là một trong những nước thành lập trường đại học sớm nhất như Đại học Paris (1170), Đại học Montpellier (1220), Đại học Toulouse (1229), Đại học Grenoble (1339) [5,tr.86-88]... Nhưng thời gian này Pháp chỉ lập ở Việt Nam một số trường như Viện đại học Đông Dương, Trường Y dược Đông Dương, Trường Mỹ thuật Đông Dương, Trường

Cao đẳng Thương mại Hà Nội, Trường Đại học Luật khoa Đông Dương... Tất cả các trường này đều đặt ở Hà Nội.

Hệ thống giáo dục thời kỳ này có thay đổi chút ít, còn về cơ bản vẫn như trong giai đoạn cải cách giáo dục lần thứ hai.

3. Một vài nhận định về giáo dục Nam Kỳ thời thuộc Pháp

3.1. Người Pháp đã áp đặt nền giáo dục phương Tây vào Nam Kỳ Việt Nam

Sự áp đặt mô hình giáo dục phương Tây của thực dân Pháp vào Việt Nam nói chung và Nam Kỳ nói riêng cũng mang lại *những hệ quả tích cực*. Trong bối cảnh nền giáo dục Nho giáo đang hồi suy tàn với một lối dạy học lạc hậu, nội dung phiến diện không đáp ứng được yêu cầu đào tạo nhân tài cho đất nước, thì nền giáo dục phương Tây đã đưa đến những yếu tố mới cho nền giáo dục.

Về hình thức, đó là việc tổ chức hệ thống trường học, cấp học, lớp học có hệ thống bài bản, với hình thức tổ chức dạy học tập trung. Học sinh được tổ chức học thành lớp có cùng độ tuổi, giống nhau về tâm sinh lý, cùng học một chương trình thống nhất. Nền giáo dục đa dạng về loại hình trường lớp, hệ thống giáo dục được tổ chức rộng khắp.

Về nội dung giáo dục, chương trình được xây dựng với nội dung giáo dục toàn diện, không chỉ có khoa học xã hội mà cả khoa học tự nhiên, kỹ thuật, ngoại ngữ. Về khoa học xã hội, học sinh được học cả Lịch sử, Văn học thế giới, Triết học đông tây, luân lý; trong khoa học tự nhiên có Toán học, Địa dư, Ksinh tế...; về sau học sinh còn được phân ban theo

các Ban Khoa học, Ban Toán và Ban Triết học. Nội dung giáo dục không chỉ giới hạn trong sách “thánh hiền” mà hiểu biết của học sinh đã được mở rộng ra nhiều lĩnh vực, điều mà giáo dục Nho học trước đây không có.

3.2. Cùng với việc bắt buộc phải học chữ Pháp và chữ Quốc ngữ, các trường Pháp – Việt và cả các trường Nho giáo đã trang bị cho học sinh hai thứ ngôn ngữ hữu ích để mở rộng giao tiếp và hiểu biết của mình đối với các nền văn hóa thế giới. “Chữ quốc ngữ từ năm 1919 trở đi đã hiến cho Việt Nam một “lợi khí giải phóng tinh thần và phổ biến văn hóa” [1, tr.219]. Mặc dù còn nhiều hạn chế, nhưng bước đầu thông qua giáo dục, người Pháp cũng đã truyền bá được văn minh châu Âu vào vùng đất Nam Kỳ. Cùng với sự du nhập của những yếu tố văn minh vật chất, lối sống theo văn hoá phương Tây được hình thành ở những đô thị lớn. Những tư tưởng tiến bộ cũng được tiếp nhận và phát huy.

3.3. Giáo dục Nam Kỳ đã đào tạo được một đội ngũ trí thức Tây học, một tầng lớp mới trong xã hội Nam Kỳ lúc bấy giờ. Điều đặc biệt là mặc dù được đào tạo trong các trường học của Pháp, chịu ảnh hưởng của nền văn hoá Pháp, nhưng tầng lớp trí thức Tân học ở Nam Kỳ lại có một nền tảng giáo dục truyền thống rất vững chắc. Họ vừa am hiểu văn hoá, ngôn ngữ Pháp nhưng lại rất tinh thông Nho học. Những trí thức Tân học ở Nam Kỳ bắt đầu dịch thuật các tác phẩm chữ Hán, chữ Pháp ra chữ quốc ngữ để phổ biến trong nhân dân. Ngoài ra, họ còn trực tiếp truyền bá tư tưởng khoa học và tư tưởng

dân chủ phương Tây cho nhân dân thông qua các chuyến đi du học và từ nguồn sách báo từ nước ngoài. Cũng qua sách báo tiến bộ, nhiều trí thức, sinh viên, học sinh ở Việt Nam đã nhận thức ra sự đối xử bất bình đẳng, miệt thị của người Pháp đối với người dân bản xứ. Trừ một số cam tâm làm tay sai cho Pháp, còn phần lớn trí thức ở Nam Kỳ có lòng yêu nước và gắn bó với các phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân.

3.4. Tuy có những hệ quả khách quan tích cực nói trên nằm ngoài mục đích thực dân của Pháp, nền giáo dục Nam Kỳ thời Pháp thuộc vẫn là một nền giáo dục thực dân, phục vụ cho mục đích cai trị của Pháp tại Đông Dương. Đó là một nền giáo dục gieo rắc những tư tưởng nô dịch, tuyên truyền nhiều cho văn hóa, tư tưởng của “mẫu quốc”. Tuy thực dân

Pháp có chú ý mở rộng hệ thống giáo dục nhưng chủ yếu vẫn chỉ tập trung ở những thành phố, thị xã, thị trấn phục vụ cho chính con em người Pháp và đội ngũ quan lại người Việt thân Pháp. Một nền giáo dục phục vụ cho số ít người chứ không phải cho quảng đại dân chúng. Phần lớn nhân dân Nam Kỳ vẫn trong cảnh đói nghèo, lạc hậu và mù chữ.

Tóm lại, quá trình du nhập giáo dục phương Tây vào Nam Kỳ Việt Nam gắn liền với quá trình xâm lược và thống trị của thực dân Pháp. Quá trình đó mang đến cho nhân dân Nam Kỳ nhiều hệ lụy, nhưng về mặt khách quan, một nền giáo dục mới cũng đã góp phần không nhỏ làm thay đổi nền giáo dục trì trệ của triều Nguyễn, mở ra những hình thức và nội dung mới cho sự nghiệp giáo dục Nam Kỳ nói riêng và cả nước nói chung.

¹ Paul Bert được Tổng thống Pháp cử sang Đông Dương làm Tổng trú sứ theo sắc lệnh ngày 27 - 1 - 1886. Tổng trú sứ có nhiệm vụ như Toàn quyền sau này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thế Anh (2008), *Việt Nam thời Pháp đô hộ*, Nxb Văn học, Hà Nội.
2. Phan Trọng Báu (2006), *Giáo dục Việt Nam thời cận đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Đinh Xuân Lâm (Chủ biên, 2005), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Phan Ngọc Liên (2006), *Giáo dục và Khoa cử Việt Nam*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
5. Đoàn Huy Oánh (2004), *Sơ lược lịch sử giáo dục*, Nxb Đại học Quốc gia TP HCM.
6. Nguyễn Quang Thắng (1993), *Khoa cử và Giáo dục Việt Nam*, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
7. Nguyễn Đăng Tiến, (1996), *Lịch sử giáo dục Việt Nam trước Cách mạng tháng 8 - 1945*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.